

# ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 TOÁN LỚP 6

Thời gian: **Không giới hạn** | Số câu: **10**

Họ và tên thí sinh: \_\_\_\_\_

Lớp / Đơn vị: \_\_\_\_\_

Số báo danh: \_\_\_\_\_

Ngày thi: \_\_\_\_\_

1. Tìm kết quả của phép tính  $25 + 37$ .

A. 62

B. 52

C. 72

D. 60

2. Số nào là số nguyên tố trong các số sau: 9, 11, 15, 21?

A. 9

B. 11

C. 15

D. 21

3. Kết quả của  $6 \times 7$  là bao nhiêu?

A. 42

B. 36

C. 48

D. 54

4. Tìm số trung bình cộng của các số 4, 8, 12.

A. 8

B. 10

C. 12

D. 6

5. Hình vuông có độ dài cạnh là 5 cm, diện tích của hình vuông là bao nhiêu?

A.  $20 \text{ cm}^2$

B.  $25 \text{ cm}^2$

C.  $30 \text{ cm}^2$

D.  $15 \text{ cm}^2$

**6.** Phép chia 56 chia cho 8 cho kết quả là bao nhiêu?

**A.** 7

**B.** 8

**C.** 6

**D.** 5

**7.** Số nào là bội số của 3 trong các số sau: 10, 12, 14, 17?

**A.** 10

**B.** 12

**C.** 14

**D.** 17

**8.** Tính giá trị biểu thức  $3(4 + 5) - 7$ .

**A.** 15

**B.** 20

**C.** 18

**D.** 17

**9.** Tìm số lớn nhất trong các số: 23, 45, 67, 12.

**A.** 67

**B.** 45

**C.** 23

**D.** 12

**10.** Một hình chữ nhật có chiều dài 10 cm và chiều rộng 4 cm. Chu vi của hình chữ nhật là bao nhiêu?

**A.** 28 cm

**B.** 24 cm

**C.** 20 cm

**D.** 30 cm

## ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	B	A	A	B	A	B	B	A	A

### Gợi ý / Giải thích:

---

**Câu 1:** Phép cộng hai số tự nhiên.

**Câu 2:** Số nguyên tố là số lớn hơn 1 chỉ chia hết cho 1 và chính nó.

**Câu 3:** Phép nhân hai số tự nhiên.

**Câu 4:** Số trung bình cộng là tổng chia cho số lượng.

**Câu 5:** Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh.

**Câu 6:** Phép chia hai số tự nhiên.

**Câu 7:** Bội số của 3 là số chia hết cho 3.

**Câu 8:** Áp dụng quy tắc dấu ngoặc và phép tính.

**Câu 9:** So sánh các số để tìm số lớn nhất.

**Câu 10:** Chu vi hình chữ nhật = 2 x (chiều dài + chiều rộng).